

Số: **6738** /KH-UBND

Đắk Lắk, ngày **31** tháng **7** năm **2020**

## **KẾ HOẠCH**

### **Cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

Thực hiện Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 19/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án với nội dung cụ thể như sau:

#### **I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU**

##### **1. Quan điểm**

a) Phát triển ngành dịch vụ nhanh, hiệu quả và bền vững, đảm bảo các dịch vụ cơ bản phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại, đảm bảo khai thác tốt các nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

b) Thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ cần có trọng tâm, trọng điểm, có tính khả thi, chú trọng vào các giải pháp cụ thể, có thể đo lường kết quả, có tác động mạnh, kịp thời trên thực tiễn, theo tín hiệu thị trường. Khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân là lực lượng quan trọng trong thực hiện quá trình cơ cấu lại ngành dịch vụ.

c) Phát triển mạnh khu vực dịch vụ, tiếp cận với trình độ hiện đại, đảm bảo quá trình hội nhập.

d) Thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ gắn với cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính ở các ngành, các cấp, cơ sở theo hướng bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của tỉnh và phát huy sự chủ động, sáng tạo của các cấp địa phương, cơ sở.

e) Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ coi công nghệ thông tin là đòn bẩy, lấy hội nhập quốc tế về kinh tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm bối cảnh để đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong cung cấp các sản phẩm dịch vụ.

##### **2. Mục tiêu**

a) Mục tiêu tổng quát:

Cơ cấu lại ngành dịch vụ theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, tập trung nguồn lực phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như như khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, du lịch, logistics và vận tải, công nghệ thông tin và truyền thông, tài chính, ngân hàng phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực hiện các chính sách và thể chế phát triển ngành dịch vụ một cách đồng bộ hướng vào việc xây dựng ngành dịch vụ chất lượng, hiệu quả và cạnh





tranh; xây dựng cơ sở hạ tầng của khu vực dịch vụ thông qua việc tập trung phát triển các ngành dịch vụ “cơ sở hạ tầng” bao gồm: công nghệ thông tin và truyền thông, giáo dục, du lịch, logistics và vận tải, tài chính - ngân hàng; xây dựng “hệ sinh thái” dịch vụ để tạo đột phá trong phát triển dịch vụ.

Chuyên dịch cơ cấu ngành dịch vụ theo hướng nâng cao tỷ trọng của các ngành dịch vụ ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin để tác động lan tỏa tới các lĩnh vực dịch vụ khác.

b) Mục tiêu cụ thể:

Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11,96%; tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GRDP 45,2% vào năm 2020. Giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ bình quân đạt 7,16%; tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GRDP 48,26% vào năm 2025.

*(chi tiết theo biểu gửi kèm)*

## II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

### 1. Tạo lập môi trường chung cho phát triển các ngành dịch vụ

a) Tiếp tục thực hiện đầy đủ, nhất quán và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đề ra tại các Kế hoạch, Chương trình hành động, văn bản chỉ đạo của tỉnh về triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Chỉ thị số 16/CT-CP ngày 04/5/2017 của Chính phủ về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020.

b) Tổ chức thi hành các Luật và hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện sau khi được Trung ương rà soát, xây dựng và ban hành gồm: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Cạnh tranh.

c) Thực hiện các Nghị định về điều kiện kinh doanh, xuất nhập khẩu các ngành dịch vụ thuộc danh mục kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp vào năm 2020 sau khi được Trung ương rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và ban hành.

d) Thực hiện các chính sách, quy trình, thủ tục phê duyệt hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), các quỹ phát triển công nghệ theo hướng đơn giản hóa quy trình, thủ tục nhận hỗ trợ và hỗ trợ có mục



tiêu, trọng điểm.

Tập trung triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; trong đó, chú trọng việc hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

e) Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam; xây dựng Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 nhằm tăng cường năng lực tiếp cận Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho doanh nghiệp.

f) Thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh trong các ngành dịch vụ để khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tạo ra các dịch vụ mới và cải tiến cách thức cung cấp các dịch vụ truyền thống nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các ngành dịch vụ.

g) Đầu tư, phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công để cắt giảm chi phí hành chính công và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

h) Rà soát, kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích các ngành dịch vụ ưu tiên phát triển, gồm: tài chính, ngân hàng, logistics và vận tải, công nghệ thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, du lịch.

i) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nông nghiệp. Phát triển các ngành dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh liên kết, hình thành các chuỗi giá trị nông sản nhằm nâng cao giá trị sản phẩm như dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; dịch vụ bảo vệ thực vật, hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh; dịch vụ thú y; dịch vụ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ trong sản xuất nông nghiệp; dịch vụ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp và chế biến; dịch vụ tiêu thụ hàng hóa nông sản.

j) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại các chương trình, kế hoạch cải thiện các chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX của tỉnh. Nêu cao vai trò trách nhiệm, quyết liệt hơn nữa trong công tác chỉ đạo điều hành, thường xuyên rà soát những vướng mắc, chông chéo giữa các quy định pháp luật kinh doanh, kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cho phù hợp.

k) Thu hút đầu tư đối với doanh nghiệp dịch vụ. Chủ động trong công tác xúc tiến đầu tư với nhiều hình thức, trong đó chú trọng hình thức thường xuyên tiếp xúc, liên hệ với các đối tác, các doanh nghiệp, các tập đoàn lớn trong và ngoài nước để giới thiệu tiềm năng, môi trường đầu tư của tỉnh. Tạo mọi điều kiện cho các nhà đầu tư thông qua việc thực hiện đầy đủ, nhất quán, đúng quy định các chính sách ưu đãi về thuê đất, kết cấu hạ tầng, thủ tục hành chính...; kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án.

## 2. Đối với lĩnh vực tài chính - ngân hàng

a) Thực hiện các quy định và hướng dẫn cho các tổ chức tín dụng thực hiện theo từng giai đoạn trong lộ trình triển khai Basel II <sup>(1)</sup> tại Việt Nam sau khi có hướng dẫn của cơ quan nhà nước cấp trên.

b) Phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong năm 2020 và giai đoạn 2021 – 2025; khuyến khích các tổ chức tín dụng phát triển mạng lưới hoạt động ở vùng sâu, vùng xa nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn vay của người dân để phát triển kinh tế, thu nhập bền vững.

c) Phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, tạo cơ sở nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng của các tổ chức, cá nhân.

d) Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng các dịch vụ tín dụng - ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh; mở rộng tiếp cận và sử dụng các tiện ích ngân hàng, hạn chế việc sử dụng tiền mặt; ưu tiên đầu tư vốn cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh hiệu quả, tín dụng bất động sản, tiêu dùng, v.v; tạo điều kiện thu hút kiều hối lành mạnh.

e) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, tăng cường đổi mới sáng tạo trong thiết kế và phân phối sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; đưa ra cơ chế quản lý thử nghiệm đối với việc phát triển các loại hình dịch vụ công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.

f) Thúc đẩy việc ứng dụng các công nghệ chủ chốt của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hoạt động quản lý, phát triển, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, đảm bảo nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế trên cơ sở hiệu quả, an toàn, bảo mật.

## 3. Đối với lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông

a) Tổ chức thi hành pháp luật, các cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ phát triển bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu về hội nhập toàn diện kinh tế quốc tế, bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn với việc đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, tạo sự công khai, minh bạch trong công tác quản lý nhà nước; xây dựng Chính quyền điện tử, tiến tới Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số. Triển khai thành công đề án xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh. Nghiên cứu xây dựng đề án Công viên Phần mềm.

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp, trong khai thác và xử lý bưu gửi tại các doanh nghiệp bưu chính, đặc biệt tại doanh nghiệp quản lý mạng bưu chính công cộng nhằm cung ứng dịch vụ chất lượng và hiệu quả cho người sử dụng dịch vụ.

<sup>1</sup> Basel II là phiên bản thứ hai của Hiệp ước Basel, trong đó đưa ra các nguyên tắc chung và các luật ngân hàng của Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng.



d) Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển dịch vụ bưu chính viễn thông, nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh.

e) Phát triển thị trường công nghệ thông tin và truyền thông bền vững, định hướng chuyển đổi cơ cấu ngành sang các trụ cột mới (công nghiệp điện tử, công nghiệp và dịch vụ nội dung số, công nghiệp an toàn và an ninh mạng, thương mại điện tử, vận chuyển...), đối tượng mới (thành phố thông minh, chính phủ số, công dân số), không gian mới (trong khu vực, thị trường quốc tế). Phát triển và thương mại hóa viễn thông 5G; phát triển các ứng dụng và nội dung số trên nền công nghệ viễn thông 5G.

#### **4. Đối với lĩnh vực phân phối**

a) Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035 khi được cơ quan nhà nước cấp trên ban hành.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp kết nối với các nền tảng thương mại điện tử quốc tế như Amazon, Alibaba, Rakuten, v.v...

c) Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm quảng bá các sản phẩm của địa phương, mở rộng tiêu thụ nội địa và thị trường xuất khẩu. Hỗ trợ các doanh nghiệp xuất - nhập khẩu trên địa bàn tỉnh thông tin, tập huấn, đào tạo về cam kết của Việt Nam trong thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới. Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là những mặt hàng có giá trị cao, hàng nông sản qua chế biến, mặt hàng chủ lực có lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

d) Tiếp tục triển khai chương trình thương mại điện tử, nhằm đa dạng hóa các hoạt động giao dịch; phát triển mạnh các loại hình thương mại và các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Từng bước thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế chia sẻ theo Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 12/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ, thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý nhà nước đối với hoạt động theo mô hình này, phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế số và cách mạng công nghiệp 4.0.

e) Triển khai thực hiện chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025; theo dõi tình hình phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

#### **5. Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và lao động**

a) Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng trong giáo dục phổ thông; nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục; đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.



b) Chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng, đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo và ứng dụng các mô hình giáo dục, đào tạo mới trên nền tảng công nghệ thông tin như trên internet, trên thiết bị di động (điện thoại thông minh, máy tính bảng); khuyến khích các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục, đào tạo để nhanh chóng nâng cao số lượng và chất lượng giáo dục, đào tạo nhất là trong các ngành có nhu cầu cao như công nghệ thông tin.

d) Đa dạng ngành nghề, đối tượng học nghề và hình thức dạy nghề (tập trung, ngắn hạn,...) phù hợp với đặc điểm và điều kiện của từng nhóm đối tượng trên địa bàn. Thực hiện nhân rộng các mô hình dạy nghề theo nhu cầu thị trường, dạy nghề gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, dạy nghề theo địa chỉ, dạy nghề phục vụ xuất khẩu lao động; phát triển các hình thức dạy nghề lưu động, dạy nghề tại chỗ... tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo, người dân tộc thiểu số được tham gia học nghề, tự tạo việc làm,...

e) Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, doanh nghiệp thành lập các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo, dạy nghề, truyền nghề nhằm đẩy mạnh xã hội hóa đào tạo nghề.

## **6. Đối với lĩnh vực logistics và vận tải**

a) Phát triển các dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu, đặc biệt dịch vụ logistics nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu hàng hóa sản xuất trên địa bàn, giảm chi phí, tăng giá trị gia tăng.

b) Khuyến khích các mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong logistics như các nền tảng giao dịch dịch vụ vận tải hàng hóa, vận tải hành khách v.v...

c) Tập trung phát triển đồng bộ các dịch vụ vận tải:

- Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông; đề xuất cơ chế khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách, huy động các nguồn lực để xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn; tăng cường xã hội hóa, mời gọi các nhà đầu tư cùng hợp tác đầu tư, tổ chức khai thác tốt kết cấu hạ tầng giao thông hiện có; phát triển hạ tầng cơ sở gắn với khu, cụm công nghiệp, mở thêm các tuyến vận tải hàng hóa, hành khách; tăng cường kết nối, phát triển hợp lý các phương thức vận tải, giảm chi phí, giá thành và nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải.

- Phát triển thêm các tuyến đường cao tốc chất lượng cao, các công trình vượt sông, kết nối tỉnh Đắk Lắk với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên và các tỉnh Duyên hải miền Trung: Đường cao tốc Buôn Ma Thuột – Nha Trang; cầu vượt sông Krông Nô (kết nối tỉnh Đắk Lắk – Đắk Nông).

- Tập trung phát triển cảng cạn tại tỉnh Đắk Lắk theo quy hoạch đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, kết nối cảng cạn với phát triển khu, cụm công nghiệp, cửa khẩu, phục vụ cho hàng hóa xuất, nhập khẩu của tỉnh, phát triển dịch vụ logistics; quan tâm đầu tư nâng cấp kho, bãi hàng đủ tiêu chuẩn để cung cấp



dịch vụ dùng chung cho tất cả các doanh nghiệp vận tải hàng hóa và khách hàng; xây dựng, hoàn thiện Cảng hàng không Buôn Ma Thuột thành Cảng hàng không quốc tế, giữ vai trò quan trọng trong mạng lưới giao thông tại tỉnh và khu vực Tây Nguyên.

- Phát triển các tuyến vận tải hàng hóa, vận tải hành khách trên một số đoạn sông có thể khai thác vận tải và các tuyến du lịch lòng hồ. Xây dựng các bến khách, bến hàng hóa và bến du lịch lòng hồ trên các tuyến vận tải. Phát triển và xây dựng các đội tàu vận tải hàng hóa, hành khách trên sông, đội tàu du lịch lòng hồ.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư tuyến đường sắt Buôn Ma Thuột – Tuy Hòa theo hình thức đối tác công tư (PPP).

## **7. Đối với lĩnh vực khoa học - công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

### **a) Đối với lĩnh vực khoa học - công nghệ:**

- Thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy trình đánh giá sự phù hợp; vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn đối sánh và thực hành tốt nhất về năng suất để phục vụ doanh nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương.

- Định hướng thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong nước và nước ngoài cho doanh nghiệp trong tỉnh, ưu tiên các dự án công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có tiềm năng đóng góp lan tỏa, liên kết với các doanh nghiệp trong nước để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Đẩy mạnh nghiên cứu làm chủ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu của tỉnh.

- Phát triển mạnh một số dịch vụ có hàm lượng khoa học và công nghệ như tư vấn và chuyển giao khoa học và công nghệ (trong lĩnh vực trồng trọt, công nghiệp chế biến bảo quản nông sản), y tế, giáo dục,...

### **b) Đối với lĩnh vực khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:**

- Thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ, nâng cao năng lực hệ sinh thái khởi nghiệp của tỉnh, tập trung triển khai Đề án của Chính phủ về hỗ trợ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 (Đề án số 844) và Kế hoạch số 2722/KH-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi sự kinh doanh tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025, trong đó, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển các sản phẩm khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ, nông nghiệp công nghệ cao, sản phẩm khởi nghiệp trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

- Chuẩn hóa và nâng cao năng lực Hội, Hiệp hội ngành nghề, xây dựng kênh thông tin hiệu quả để gia tăng đối thoại tích cực giữa khởi công - tư nhằm mục tiêu hỗ trợ sự phát triển của doanh nghiệp.

- Nâng cao năng lực của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thông qua các chương trình nghiên cứu xây dựng trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt chú trọng việc xây dựng trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp trên cơ sở nhiệm vụ, chủ



trương tại Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 05/12/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ năm 2020 là “Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Trung tâm đổi mới, sáng tạo khu vực Tây Nguyên tại thành phố Buôn Ma Thuột, trực thuộc Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia”.

- Nâng cao năng lực quản trị và thực thi chiến lược của đội ngũ nhân sự quản lý nhà nước trong công tác hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh, hướng đến các dịch vụ hỗ trợ có chất lượng tác động hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

## **8. Đối với lĩnh vực du lịch**

a) Thực hiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Du lịch.

b) Xây dựng chương trình quảng bá du lịch tỉnh Đắk Lắk qua các kênh quảng bá mới trên mạng internet.

c) Phê duyệt và triển khai hiệu quả “Đề án phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030”; “Nghị quyết về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025.”

d) Triển khai ứng dụng công nghệ Thông tin trong lĩnh vực du lịch (du lịch thông minh) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo Đề án xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh

e) Ưu tiên đầu tư phát triển thành phố Buôn Ma Thuột trở thành trung tâm trung chuyển dịch vụ, du lịch chính của tỉnh; tạo sự kết nối giữa các điểm, tuyến du lịch của tỉnh, cũng như với các khu, điểm du lịch của các tỉnh trong khu vực; đẩy mạnh liên kết hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành trong cả nước, đặc biệt là khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

f) Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch, áp dụng các giải pháp và công nghệ du lịch thông minh như công nghệ kết nối vạn vật (IoT), công nghệ thực tế ảo (VR/AR); áp dụng công nghệ Trí tuệ nhân tạo (AI) để nghiên cứu nhu cầu khách du lịch và phát triển các giải pháp đáp ứng nhu cầu của khách, qua đó nâng cao giá trị gia tăng của ngành.

g) Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm tại Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 09/10/2017 của Thủ tướng Chính Phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tập trung thực hiện phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh:

- Phát triển du lịch theo hướng khai thác các giá trị văn hóa, sinh thái; khai thác thế mạnh và tính độc đáo, đặc sắc và khác biệt của tỉnh, tạo sản phẩm du lịch đặc trưng làm tăng thế mạnh cạnh tranh của tỉnh trên thị trường du lịch. Thực hiện đầu tư du lịch có trọng tâm, trọng điểm nhằm bảo tồn, liên kết các tour du lịch vùng, các tỉnh lân cận của ba nước có chung đường biên giới; phát triển hạ tầng du lịch, hình thành các tuyến, điểm, cụm du lịch nhằm đưa ngành du lịch của tỉnh trở thành ngành kinh tế quan trọng và là một trong những động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh.



- Thực hiện đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch vừa khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch, vừa tôn tạo, bảo vệ môi trường sinh thái; lấy du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái làm căn bản, kết hợp với các loại hình du lịch khác như du lịch ký ức (đi thăm các di tích lịch sử văn hóa, di tích cách mạng); du lịch khám phá mạo hiểm (trekking, chinh phục các cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, v.v.); du lịch tham quan thắng cảnh, tham quan vườn cây kết hợp bán nông sản sạch tại chỗ, v.v.

h) Nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng: Trùng tu, tôn tạo các di tích văn hóa, lịch sử đã xuống cấp.

i) Xây dựng chiến lược, kế hoạch cho hoạt động xúc tiến du lịch bằng nhiều hình thức, đa dạng; đẩy mạnh công tác xúc tiến và quảng bá du lịch tại các thị trường trọng điểm, thị trường tiềm năng để nâng cao hình ảnh du lịch tỉnh; khai thác lợi thế của các phương tiện truyền thông trong và ngoài nước để quảng bá du lịch đến các tỉnh thành trong cả nước và nước ngoài.

j) Bồi dưỡng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ các hoạt động du lịch nhằm từng bước nâng cao chất lượng phục vụ đạt chuẩn quốc tế.

### **9. Đối với lĩnh vực y tế**

a) Thực hiện tốt cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững trong lĩnh vực khám, chữa bệnh, dược, thiết bị y tế theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ.

b) Tiếp tục thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trong cung cấp dịch vụ y tế. Tăng cường giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy nhanh lộ trình thực hiện giá thị trường, tính đúng, tính đủ chi phí hợp lý vào giá dịch vụ y tế.

c) Thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi cho việc phát triển y tế tư nhân; tăng tỷ trọng giường bệnh của khu vực kinh tế tư nhân; tăng các dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn do khu vực kinh tế tư nhân cung cấp.

d) Thúc đẩy việc đầu tư, ứng dụng các giải pháp chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh trên nền tảng công nghệ 4.0 như chẩn đoán ung thư bằng trí tuệ nhân tạo (IBM Watson), y tế từ xa, bệnh án điện tử, quản trị bệnh viện bằng công nghệ thông tin, v.v...

## **III. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

1. Nguồn lực kinh tế - xã hội để thực hiện: Vốn ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ được giao và lập dự toán kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định.



3. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện theo quy định pháp luật.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

##### 1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Theo chức năng nhiệm vụ, chủ động lồng ghép các nội dung và nhiệm vụ cơ cấu lại các ngành dịch vụ trên đây vào các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

##### 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm

a) Trên cơ sở các nội dung và nhiệm vụ cơ cấu lại tại Kế hoạch này, chủ động xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 trên lĩnh vực, ngành hoặc địa phương quản lý. Trong đó, cần tiến hành rà soát, đánh giá tác động, ảnh hưởng do dịch bệnh Covid-19 gây ra đến các ngành, lĩnh vực dịch vụ, từ đó xây dựng các giải pháp khắc phục những khó khăn, phân đầu đạt mức cao nhất của kế hoạch đề ra.

b) Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện tái cơ cấu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Định kỳ hàng năm, bắt đầu từ năm 2021, kiểm điểm tình hình thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ và báo cáo kết quả thực hiện cơ cấu lại ngành, lĩnh vực dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Thủ tướng Chính phủ.

##### 3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nêu tại Kế hoạch này. Định kỳ hàng năm, bắt đầu từ năm 2021, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện và những vấn đề phát sinh theo quy định. /

##### Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo TU;
- NHNNVN CN Đắk Lắk;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Ph 8b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị



**BIỂU CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ**

(Kèm theo Kế hoạch số <sup>6738</sup> /KH-UBND ngày 31 / 7 /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên mục tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu của Trung ương		Xây dựng mục tiêu của tỉnh		Đơn vị thực hiện báo cáo
			Đến năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2020	Đến năm 2025	
<b>I</b>	<b>Mục tiêu chung</b>						
1	Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ bình quân giai đoạn 2016 - 2020; GDĐ 2021-2025	%	6,6 - 7,1	7 - 7,5	11,96	7,16	Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT
2	Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP	%	41,5 - 42	43 - 44	45,2	48,26	Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT
<b>II</b>	<b>Mục tiêu về Tài chính - Ngân hàng</b>						
1	Tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ phi tín dụng/tổng thu nhập của các ngân hàng thương mại	%	-	16 - 17	5	8	NHNN-CN tỉnh
2	Tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống tổ chức tín dụng	%	-	< 3	< 3	< 3	NHNN-CN tỉnh
<b>III</b>	<b>Mục tiêu về Công nghệ thông tin và truyền thông</b>						
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân/ năm	%/năm	10-15	-	10-12	12-14	Sở TT&TT chủ trì, phối hợp với Cục TK tỉnh
<b>IV</b>	<b>Mục tiêu về Phân phối</b>						
1	Tăng tỷ trọng mức bán lẻ hàng hoá theo loại hình thương mại hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị, mang lưới cửa hàng tiện lợi...)	%	30	38	10	15	Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Cục TK tỉnh
2	Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (chưa loại trừ yếu tố giá) giai đoạn 2021 - 2025	%/năm	-	>9	9	5,4	Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Cục TK tỉnh
3	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Triệu tỷ đồng	-	8,1	0,08	0,1	Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Cục TK tỉnh
4	Giá trị tăng thêm lĩnh vực thương mại (theo giá so sánh) đến năm 2025 đóng góp vào GRDP	%	-	13,5	15,24	16,46	Cục TK tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Công thương
<b>V</b>	<b>Mục tiêu về Giáo dục - đào tạo và lao động</b>						
1	Bình quân hàng năm đào tạo nghề nghiệp, trong đó:	Triệu người	2,2 - 2,4	4,6	0,169	0,207	Sở LĐTB&XH chủ trì, phối hợp với Sở GD&ĐT
	+ Trình độ trung cấp, cao đẳng	%	25 - 30	-	8	15	
	+ Đào tạo theo các ngành, nghề trọng điểm	%	10-15	-	3,5	4,5	
	+ Lao động có việc làm sau đào tạo	%	70 - 75	-	80	85	
2	Số người học có việc làm hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo	%	-	85	80	85	Sở LĐTB&XH chủ trì, phối hợp với Sở GD&ĐT





STT	Tên mục tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu của Trung ương		Xây dựng mục tiêu của tỉnh		Đơn vị thực hiện báo cáo
			Đến năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2020	Đến năm 2025	
<b>VI</b>	<b>Mục tiêu về Logistics và vận tải</b>						
1	Tổng sản lượng vận tải toàn ngành						Cục TK tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở GTVT
	+ Hàng hóa	Tỷ tấn.km	1300	-	5,17	7,87	
	+ Hành khách	Tỷ hành khách.km	340	-	15,09	19,38	
2	Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm sản lượng vận tải hàng hóa, hành khách giai đoạn 2013 - 2020	%	8-10	-	8-10	-	Sở GTVT chủ trì, phối hợp với Cục TK tỉnh
<b>VII</b>	<b>Mục tiêu về Khoa học và công nghệ</b>						
1	Thông qua yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) của hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế	%	30 - 35	40	20	30	Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Cục TK tỉnh
2	Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt so với tổng giá trị sản xuất công nghiệp	%	40	-	10	15	Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Công thương, Cục TK tỉnh
3	Chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị tăng trung bình / năm	%/năm	20	-	7	12	Sở KH&CN
<b>VIII</b>	<b>Mục tiêu về Du lịch</b>						
1	Thu hút số lượt khách quốc tế và khách nội địa						Sở VH TT&DL
	+ Khách quốc tế	Triệu lượt khách	20	32	0,103	0,16	
	+ Khách nội địa	Triệu lượt khách	85 - 90	>130	1,026	1,62	
2	Tổng thu từ khách du lịch	Tỷ USD	35	45	0,057	0,106	Sở VH TT&DL
3	Số lao động trực tiếp phục vụ du lịch được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng	%	-	70	-	1,16	Sở VH TT&DL chủ trì, phối hợp với Sở LĐTB&XH
<b>IX</b>	<b>Mục tiêu về Y tế</b>						
1	Số giường bệnh/vạn dân	Giường/vạn dân	27,5	30	27	29	Sở Y tế
2	Số bác sĩ/vạn dân	BS/vạn dân	9	10	6,85	8	Sở Y tế
3	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	-	95	90	93,5	BHXH tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Y tế